**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[MỘT VÀI VẤN ĐỀ CHUNG KHI THEO DÕI LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT](" \l "bm2)

[1. GIAI ĐOẠN MON-KHMER](" \l "bm3)

[2. GIAI ĐOẠN TIỀN VIỆT-MƯỜNG](" \l "bm4)

[3. GIAI ĐOẠN VIỆT-MƯỜNG CỔ](" \l "bm5)

[4. GIAI ĐOẠN VIỆT-MƯỜNG CHUNG](" \l "bm6)

[5. GIAI ĐOẠN VIỆT CỔ](" \l "bm7)

[6. GIAI ĐOẠN TIẾNG VIỆT TRUNG ĐẠI [1]](" \l "bm8)

[7. GIAI ĐOẠN TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI](" \l "bm9)

**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

**MỘT VÀI VẤN ĐỀ CHUNG KHI THEO DÕI LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT**

0.1. Khi quan sát lịch sử phát triển của tiếng Việt, chúng ta chỉ có thể quan sát sự phát triển của nó từ giai đoạn nó tách ra khỏi nhánh ngôn ngữ Mon-Khmer để tạo thành nhóm Việt-Mường riêng rẽ. Vì thế, khi nói đến quá trình phát triển của tiếng Việt, về thực chất, chính chúng ta cũng nói về lịch sử phát triển của nhóm Việt-Mường.  
0.2. Khác với các ngôn ngữ khác, tiếng Việt có văn tự để ghi chép rất muộn, cho nên các tri thức về tiếng Việt càng cổ xưa thì càng phải dựa vào ngôn ngữ họ hàng chứ không phải bản thân tiếng Việt. Do đó, việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt chính xác đến mức độ nào là tuỳ thuộc vào sự hiểu biết vào các ngôn ngữ trong nhóm Việt-Mường.  
0.3. Về việc xác định giai đoạn và mốc nghiên cứu  
Sự phân định giai đoạn phát triển của tiếng Việt bao giờ cũng phải dựa vào những mốc cụ thể. Tuy nhiên những mốc này là những mốc trong quá khứ nên không mang tính xác định. Vì vậy, lịch sử phát triển của nó chỉ được tính bằng những hiện tượng biến đổi trong lịch sử của ngôn ngữ.  
Để có thể phân định được mốc phát triển của tiếng Việt, trong nghiên cứu lịch sử, người ta phải dùng đồng thời nhiều dấu hiệu khác nhau. Việc chỉ dùng một dấu hiệu để phân định một mốc phát triển đôi khi chưa phản ánh hết tình hình thực tế phát triển của ngôn ngữ.  
0.4. Chặng đường phát triển 3000 năm của tiếng Việt với hai thời kì khác biệt  
0.4.a. Thời kì đầu  
Thời kì này chiếm 2/3 thời gian phát triển. Lịch sử tiếng Việt trong thời kì này chính là lịch sử các ngôn ngữ Việt-Mường. Ở thời kì này, những biến đổi của tiếng Việt cũng chính là những biến đổi được ghi lại trong dấu ấn của các ngôn ngữ thuộc nhóm Việt-Mường hiện nay. Và chính điều đó đã lí giải vì sao khi tiến hành nghiên cứu lịch sử tiếng Việt người ta lại phải tiến hiến hành nghiên cứu những vấn đề ngôn ngữ của các ngôn ngữ Việt-Mường hiện nay.  
0.4.b. Thời kì sau  
Trong khoảng thời gian còn lại, tiếng Việt đã phát triển theo con đường của riêng nó và những biến đổi về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp chỉ tác động ở riêng tiếng Việt mà không liên quan gì đến các ngôn ngữ Việt-Mường khác.  
Chính vì thế, khi nghiên cứu lịch sử tiếng Việt, đúng theo nghĩa của nó, sẽ là lịch sử phát triển từ giai đoạn tiền Việt-Mường cho đến tiếng Việt hiện đại hiện nay

**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

**1. GIAI ĐOẠN MON-KHMER**

1.1. Thời gian tương đối  
Đây là giai đoạn tiếng Việt đang nằm trong khối các ngôn ngữ Mon-Khmer ước chừng quãng 4000 năm trở về trước.  
Đây cũng là quãng thời gian tiếng Việt cũng như các ngôn ngữ khác của nhóm Mon-Khmer chưa có dấu hiệu phân biệt gì khác với các ngôn ngữ Mon-Khmer.  
1.2. Về đặc điểm ngôn ngữ  
Có thể nói, vào thời điểm này, tiếng Việt cũng như các ngôn ngữ Việt-Mường hiện nay là các ngôn ngữ chưa có thanh điệu. Trong vốn từ vựng của nó, cư dân vẫn đồng thời dùng cả từ đơn tiết lẫn những từ đa tiết. Để cấu tạo từ mới, các ngôn ngữ Mon-khmer dùng cả biện pháp láy lẫn biện pháp phụ tố.  
Ở giai đoạn này, hầu như các ngôn ngữ Mon-Khmer chưa có sự tiếp xúc với tiếng Hán và cũng rất có thể là các ngôn ngữ Mon-Khmer chưa có sự tiếp xúc với tiếng Phạn. Nói một cách khác, vào thời điểm lúc bấy giờ, môi trường ngôn ngữ Nam Á đang ở trong tình trạng gần như thuần khiết.

**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

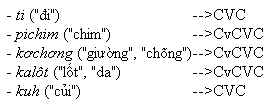
**2. GIAI ĐOẠN TIỀN VIỆT-MƯỜNG**

2.1. Về tên gọi  
Tiền ngôn ngữ là một khái niệm dùng để chỉ ngôn ngữ gốc của các ngôn ngữ hiện tại. Cách gọi tiền Việt-Mường có nghĩa đây là ngôn ngữ được coi là ngôn ngữ cơ sở hay là ngôn ngữ chung cho cả nhóm ngôn ngữ Việt-Mường (thuộc nhánh Mon-Khmer), trong đó tiếng Việt là một ngôn ngữ thành viên.  
Như vậy, để xác định lịch sử phát triển của tiếng Việt hay của một ngôn ngữ Việt-Mường khác, các nhà nghiên cứu thường bắt đầu từ thời điểm này, tức là thời điểm tiền Việt-Mường.  
2.2. Về thời gian tương đối của giai đoạn tiền Việt-Mường  
Theo kết quả nghiên cứu hiện nay, người ta ước lượng giai đoạn tiền Việt-Mường của tiếng Việt là tiếng nói sau giai đoạn Mon-Khmer và kéo dài cho đến thế kỉ thứ nhất và thứ hai sau công nguyên. Do đó, quãng thời gian tương đối mà người ta nói đến của giai đoạn Việt-Mường là ít nhất vào khoảng trên 2000 năm. Nếu đứng trên bình diện văn hoá, đây là giai đoạn tương ứng với giai đoạn văn hoá Đông Sơn, văn minh sông Hồng, đặc biệt là văn minh lúa nước và đây cũng là giai đoạn phát triển rực rỡ của đồ đồng và bắt đầu có sự xuất hiện của đồ sắt. Còn về mặt nhà nước, đây là giai đoạn tương ứng với thời kì Hùng Vương – Nhà nước đầu tiên của người Việt. Có thể nói sự xuất hiện của nhà nước và sự phát triển của nền văn minh lúa nước đã có những ảnh hưởng quan trọng trong việc phát triển tiếng Việt cũng như củng cố vị trí của nó trong cộng đồng cư dân Việt.  
2.3. Những đặc điểm về ngôn ngữ  
Tiếng Việt ở giai đoạn tiền Việt-Mường tuy là một ngôn ngữ thống nhất nhưng tự bản thân nó đã có sự phân biệt. Tuy nhiên, sự phân biệt này chỉ mang tính chất phương ngữ mà thôi.  
Sự khác nhau có tính phương ngữ này là cơ sở để về sau hình thành các ngôn ngữ khác nhau trong nhóm Việt-Mường. Như vậy, các ngôn ngữ khác nhau trong nhóm Việt-Mường chính là hệ quả của sự khác nhau ban đầu này và do yếu tố địa lí chi phối.  
Ở giai đoạn tiền Việt-Mường, tiếng Việt vẫn là một ngôn ngữ chưa có thanh điệu. Bởi vì vừa tách khỏi nhánh Mon-Khmer nên tiếng tiền Việt-Mường vẫn còn lưu giữ đặc điểm không có thanh điệu của các ngôn ngữ Mon-Khmer thuộc họ Nam Á. Và cho đến hiện nay, tiếng Arem trong nhóm Việt-Mường hiện tại cũng là một ngôn ngữ không có thanh điệu.  
Ở thời kì tiền Việt-Mường, tiếng Việt là một ngôn ngữ mà vốn từ vựng của nó về cơ bản là thuần Mon-Khmer và nó đã có ít nhiều tiếp xúc với các ngôn ngữ thuộc họ Nam Đảo và Thái-Kadai. Riêng đối với họ Hán-Tạng thì các ngôn ngữ tiền Việt-Mường dường như chưa có sự tiếp xúc.  
Do hai khả năng vừa phân tích trên, nhiều nhà nghiên cứu dự đoán ở giai đoạn tiền Việt-Mường, tiếng Việt vẫn còn sử dụng phương thức phụ tố trong cấu tạo từ để tạo thành từ mới. Điều đó chứng tỏ tiếng tiền Việt-Mường còn lưu giữ đầy đủ đặc điểm của Mon-Khmer. Sự phân biệt giữa tiếng tiền Việt-Mường với các ngôn ngữ Mon-Khmer có chăng chỉ là sự ảnh hưởng của các ngôn ngữ Thái. Vì vậy, có thể nói, các ngôn ngữ Thái là tác nhân làm cho khối Mon-Khmer tách riêng ra một nhóm ở phía đông của nhánh và đó là tiền thân của tiền Việt-Mường.  
2.4. Những dự đoán về mặt văn hoá liên quan đến nhóm Việt-Mường  
Các nhà nghiên cứu về lịch sử ngôn ngữ cũng như lịch sử văn hoá thường đồng nhất tiếng Việt ở giai đoạn tiền Việt-Mường trong lịch sử tiếng Việt như là một ngôn ngữ dùng chung cho nhà nước Văn Lang của thời kì Hùng Vương. Tuy nhiên, chứng cứ để chứng minh cho sự tồn tại của ngôn ngữ thống nhất này, vì tính chất quá cổ xưa của lịch sử, không còn được giữ lại. Người ta chỉ có thể nhận biết điều này nhờ 2 hệ quả như sau:  
- Ở giai đoạn lịch sử về sau, tiếng Việt với tư cách là một ngôn ngữ đã bị một ngôn ngữ khác đặt vào vị thế bị đồng hoá và thời gian ở vị thế ấy kéo dài hàng nghìn năm. Tuy nhiên, khi lịch sử không duy trì điều kiện bị đồng hoá đó, ngay lập tức tiếng Việt trở thành một ngôn ngữ thống nhất trong toàn dân. Chính việc tiếng Việt trở thành một ngôn ngữ thống nhất sau khi môi trường bị đồng hoá mất đi đã chứng tỏ ở giai đoạn tiền Việt-Mường tiếng Việt đã là một ngôn ngữ phát triển khá bền vững  
- Khi chúng ta nói tiếng Việt ở giai đoạn tiền Việt-Mường là một ngôn ngữ thống nhất như vậy cũng có nghĩa là chúng ta nói tới tất cả các ngôn ngữ trong nhóm Việt-Mường hiện nay mà không có sự phân biệt như ở giai đoạn hiện tại: phân biệt giữa tiếng Việt với tiếng Mường; Mường - Cuối; Cuối - Arem; Rục - Sách;...  
Trong nghiên cứu lịch sử tiếng Việt, giai đoạn tiền Việt-Mường được coi là khởi đầu của lịch sử tiếng Việt. Do đó, tiếng tiền Việt-Mường được coi là ngôn ngữ mẹ hay ngôn ngữ cơ sở, ngôn ngữ chung mà từ đó xuất hiện tất cả các ngôn ngữ thuộc nhóm Việt-Mường hiện nay. Và để chứng minh được điều này, người ta luôn luôn đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải tái lập được dạng thức tiền Việt-Mường của tiếng Việt.  
2.5. Bức tranh ngữ âm của tiếng Việt ở giai đoạn tiền Việt-Mường  
(1) Trong tiếng tiền Việt-Mường, cấu trúc ngữ âm của từ gồm hai kiểu chính, đó là kiểu từ đơn tiết không thanh điệu được kí hiệu là CVC; và kiểu từ song tiết không thanh điệu, được kí hiệu là CvCVC, trong đó:

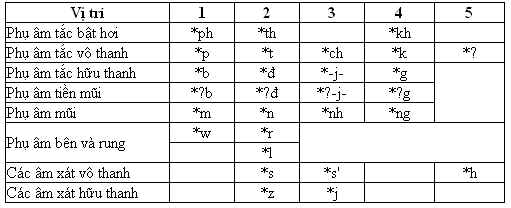
--> Đây chính là cấu tạo ngữ âm ở một số ngôn ngữ hiện nay như: Mày, Rục,...  
Ví dụ:



Theo kết quả nghiên cứu hiện nay thì bức tranh về cấu trúc ngữ âm của từ trong tiếng tiền Việt-Mường nghiêng về dạng thức song tiết, theo đó, người ta cho rằng có khoảng 65 - 70% đơn vị từ vựng là từ song tiết, còn lại, 30 - 35% là đơn vị từ vựng có cấu trúc đơn tiết.  
(2) Hệ thống ngữ âm của tiếng tiền Việt-Mường   
- Đối với tiền âm tiết, trong tiếng tiền Việt-Mường bao giờ cũng chỉ xuất hiện phụ âm vô thanh, đó là các phụ âm: \*p, \*t,\*ch,\*k,\*?,\*s.  
Còn lại, nguyên âm của tiền âm tiết chủ yếu là hai âm trung hoà: \*a và \*ơ  
Ngoài ra, nguyên âm trong tiền âm tiết còn có: \*i và \*u  
- Ở trường hợp tổ hợp phụ âm thì trong tiếng tiền Việt-Mường các tổ hợp phụ âm thường có dạng thức như sau:  
+ Yếu tố thứ nhất :  
  > Các âm tắc: \*k, \*t, \*p, \*ch   
> Các âm xát: \*s, \*h   
> Đôi khi có cả âm mũi: \*m   
+ Yếu tố thứ hai  
Về nguyên tắc có thể là bất kì phụ âm nào nhưng thường gặp nhất là 2 âm lướt: \*r và \*l. Như vậy, tổ hợp phụ âm trong tiếng Việt-Mường là tổ hợp của 2 yếu tố nói trên.  
- Đối với trường hợp âm tiết chính hoặc từ đơn tiết thì trong tiếng tiền Việt-Mường người ta có thể xác lập một hệ thống các âm sau đây:  
1 ::: Hệ thống phụ âm đầu của âm tiết chính và từ đơn tiết trong tiếng tiền Việt-Mường



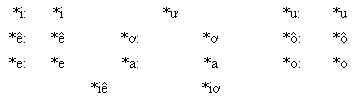
Quan sát danh sách hệ thống phụ âm đầu trong âm tiết chính và từ đơn tiết tiếng Việt-Mường chúng ta có thể thấy:  
+ Số lượng: nhiều hơn so với hiện nay.  
+ Về vị trí cấu âm: có tối đa 5 vị trí cấu âm  
+ Trong tiếng tiền Việt-Mường, hệ thống phụ âm đầu vẫn còn lưu giữ đầy đủ nét đối lập hữu thanh - vô thanh ở cả trường hợp phụ âm tắc lẫn phụ âm xát.  
+ Ở giai đoạn tiền Việt-Mường, tiếng Việt vẫn còn lưu giữ lại sự phân biệt của dãy phụ âm tiền mũi với dãy phụ âm mũi.  
+ Ở giai đoạn này, loạt âm tắc bật hơi vẫn còn được lưu giữ lại tương đối đầy đủ ở 3 vị trí cấu âm khác nhau.  
2 ::: Hệ thống âm cuối trong tiếng tiền Việt-Mường  
Trong tình hình nghiên cứu hiện nay, người ta đề nghị xác lập một danh sách các phụ âm cuối trong tiếng tiền Việt-Mường như sau:



Nhận xét:   
+ Về số lượng: nhiều hơn hiện nay (quan điểm âm vị học: 8; quan điểm ngữ âm học: 10)  
+ Có sự đối lập giữa các phương thức: tắc - xát - bên - rung.  
+ Có 5 vị trí cấu âm (hiện nay chỉ có 3 theo quan điểm âm vị học, hoặc 4 theo quan điểm ngữ âm học)  
3 ::: Danh sách nguyên âm trong tiếng tiền Việt-Mường



\*Nhận xét:  
+ Số lượng: nhiều hơn hiện nay (19>16)  
+ Về cơ bản, các nguyên âm đơn giữ thế đối lập dài-ngắn đều đặn.  
+ Số lượng nguyên âm đôi ít hơn và khác về chất so với tiếng Việt hiện đại:  
^ hiện đại: 3 hàng  
^ tiền Việt-Mường: 2 hàng đầu (trước - giữa)  
+ Từ các nhận xét trên, chúng ta nhận biết rằng việc sắp xếp lại nội bộ hệ thống nguyên âm từ giai đoạn này đến giai đoạn tiếng Việt hiện đại không theo một quy tắc tương ứng đều đặn mà có sự chia tách hoặc sự hội nhập phức tạp.  
4 :::  Trong tiếng tiền Việt-Mường không xuất hiện âm đệm như ở tiếng Việt hiện đại  
Khác với hiện nay, âm tiết lí tưởng của tiếng Việt giai đoạn tiền Việt-Mường chỉ có 3 thành phần:   
Âm đầu - Âm chính - Âm cuối  
2.6. Nhận xét chung về hệ thống ngữ âm tiếng tiền Việt-Mường  
Ở giai đoạn tiền Việt-Mường, tiếng Việt về cơ bản vẫn lưu giữ những đặc điểm quan trọng nhất của nhánh ngôn ngữ Mon-Khmer trong họ Nam Á:  
- Vẫn duy trì vốn từ vựng gốc Nam Á và vốn từ vựng gốc Mon-Khmer. Sự vay mượn có chăng chỉ là sự vay mượn giữa các ngôn ngữ Nam Á và các ngôn ngữ Nam Đảo, và cũng có thể bắt đầu sự vay mượn từ họ Thái.  
- Tiếng tiền Việt-Mường là một ngôn ngữ chưa có thanh điệu - một đặc trưng quan trọng của các ngôn ngữ Mon-Khmer.  
- Tiếng tiền Việt-Mường đồng thời vẫn duy trì dạng thức từ song tiết và vẫn sử dụng phụ tố cấu tạo từ để tạo từ mới.  
Ngoài ra, ở giai đoạn này, các ngôn ngữ tiền Việt-Mường có xu thế song tiết hoá nhiều hơn so với các ngôn ngữ còn lại trong nhánh Mon-Khmer.  
   
\* Trong việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt, giai đoạn tiền Việt-Mường là một giai đoạn rất quan trọng và được coi là mốc khởi đầu của lịch sử tiếng Việt. Do đó, các khảo sát về sự biến đổi của tiếng Việt đều được bắt đầu từ giai đoạn tiền Việt-Mường cho đến nay.  
Và, dạng thức tiền Việt-Mường đôi khi được hiểu là ngôn ngữ mẹ để từ đó sinh ra tất cả các ngôn ngữ thuộc nhóm Việt-Mường hiện nay.  
.:....



**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

**3. GIAI ĐOẠN VIỆT-MƯỜNG CỔ**

3.1. Tính chất và thời gian tương đối  
 - Thời gian: ứng vào quãng sau thế kỉ 1 -2 sau công nguyên và kéo dài đến thế kỉ 8-9, thậm chí là có thể đến thế kỉ 10. Về mặt lịch sử, giai đoạn này tương ứng với thời kì Bắc thuộc. Điều kiện lịch sử này là nhân tố ngoài ngôn ngữ cho chúng ta biết rằng đây là giai đoạn tiếng Việt tiếp xúc với tiếng Hán nhiều nhất trên cả hai bình diện: tự nguyện và ép buộc.  
- Vào thời kì này, trên vùng địa lí của cả khối ngôn ngữ tiền Việt-Mường đã có sự phân hoá, sự phân hoá này dẫn đến kết quả là:  
+ Một bộ phận tách biệt trở thành các ngôn ngữ hiện nay như kiểu tiếng Arem, Rục, Mã Liềng... (ngôn ngữ song tiết);  
+ Một bộ phận có tiếp xúc với tiếng Hán trở thành các ngôn ngữ Việt-Mường cổ (ngôn ngữ đơn tiết).  
Sự phân chia về mặt ngôn ngữ này cũng tương ứng với sự phân chia về mặt địa lí:  
> Việt-Mường cổ ở phía Bắc và khu vực đồng bằng;  
> Phần còn lại ở phía Nam và khu vực miền núi.  
- Trong suốt gần 1000 năm Bắc thuộc, việc tiếp xúc giữa tiếng Việt và văn hoá Việt bản địa với tiếng Hán và văn hoá Hán ở địa bàn tương ứng với lãnh thổ Đại Việt sau này là khác nhau tuỳ thuộc vào thời gian, địa lí và thậm chí là cả về phương thức tiếp xúc.  
3.2. Những đặc điểm chính về ngôn ngữ  
Như đã trình bày ở trên, tiếng Việt-Mường cổ đã có sự tiếp xúc đặc biệt với tiếng Hán. Sự tiếp xúc này dẫn đến 2 hệ quả:  
- Thứ nhất, vốn từ vựng của tiếng Việt lúc này đã có sự vay mượn từ tiếng Hán. Như vậy, đến giai đoạn này, tiếng Việt đã tiếp xúc với các họ ngôn ngữ: Nam Đảo -- Thái Kadai -- Hán Tạng. Và có thể xác định thành phần (về mặt nguồn gốc) từ vựng tiếng Việt giai đoạn này như sau:  
+ Cội nguồn: họ Nam Á và nhánh Mon-Khmer;  
+ Vay mượn: Nam Đảo -- Thái Kadai -- Hán-Tạng  
- Thứ hai, tiếng Việt ở giai đoạn Việt-Mường cổ đã bắt đầu một quá trình đơn tiết hoá. Chính vì hiện tượng này mà bộ phận tiền Việt-Mường nào chịu tác động nhiều thì sẽ phát triển theo xu hướng của Việt-Mường cổ; còn bộ phận nào không chịu ảnh hưởng của tác động này thì sẽ lưu lại và hiện nay trở thành hiện thân của bộ phận tiền Việt-Mường xưa kia.  
3.2.a. Sự xuất hiện thanh điệu trong tiếng Việt-Mường cổ (quy luật 1)  
- Hiện tượng thanh điệu xuất hiện sớm nhất ở tiếng Hán. Nhưng theo một chứng minh (của Pháp) thì ở thời tối cổ tiếng Hán cũng là một ngôn ngữ không thanh điệu, mà hiện tượng này chỉ mới bắt đầu vào khoảng 4- 5 ngàn năm trước đây. Từ tiếng Hán, hiện tượng thanh điệu lan truyền sang họ Thái; sau đó là đến một bộ phận Nam Á và hiện nay ở một số bộ phận nhỏ của họ Nam Đảo cũng có hiện tượng thanh điệu.   
Như vậy, về sự tồn tại và mức độ phổ biến của thanh điệu ở các họ ngôn ngữ là khác nhau:  
+ Họ Hán-Tạng: rõ ràng;  
+ Họ Thái-Kadai: hoàn chỉnh;  
+ Họ Nam Á (chia thành hai bộ phận):  
^ có thanh điệu,  
^ không có thanh điệu;  
+ Họ Nam Đảo:   
^ về đại thể: không có thanh điệu,  
^ ở một số ít: bắt đầu xuất hiện.   
 Như vậy, có thể nói thanh điệu là một hiện tượng có tính lan truyền.  
- Trở lại với các ngôn ngữ tiền Việt-Mường. Vào thời kì này, tiếng tiền Việt-Mường đã trở thành tiếng Việt-Mường cổ và là một ngôn ngữ có 3 thanh điệu. Lí do cho sự hình thành 3 thanh đó là kết quả của sự thay đổi lại cách sắp xếp của âm cuối sau âm tiết. Cụ thể là việc các âm cuối xát và tắc bị rụng đi:  
+ Âm cuối mở: ngang;  
+ Âm cuối xát: huyền;  
+ Âm cuối tắc: sắc.  
(X. Sơ đồ của Haudricourt về nguồn gốc các thanh trong tiếng Việt)  
3.2.b. Sự thể hiện của tính chất đơn tiết: quy luật đơn tiết hoá (quy luật 2)  
Vào thời kì này, tính chất đơn tiết được thể hiện phần nhiều dưới dạng tổ hợp phụ âm (CC). Sơ đồ âm tiết có thể được thể hiện như sau:  
(1) CvCVC ------- (2) CCVC/ T  (T: thanh điệu)  
Trong đó, mô hình (2) tồn tại kéo dài tới tận thế kỉ 17. Ví dụ (theo cách ghi của Từ điển Việt - Bồ - La của A. de Rhodes, năm 1651):  
+ mlầm ("nhầm");  
+ blời ("trời", "giời", "lời")...  
3.2.c. Các biến đổi ngữ âm khác  
Hệ thống ngữ âm giai đoạn Việt-Mường cổ, xét về cơ bản, giống với hệ thống ngữ âm giai đoạn trước. Tuy nhiên, vào giai đoạn này cũng có một vài thay đổi:  
- Tiếng Việt ở giai đoạn Việt-Mường cổ không còn lưu giữ 2 loạt âm cuối tương ứng với  ? ? ? ? ? ? âm tắc họng (\*?) ? ? ? ? ? ? ? ? ? ? ?  và âm xát (\*s, \*h).  
? ? ? ? ? ? ? ? ? ? ?   
- Nếu như ở giai đoạn tiền Việt-Mường đã có tổ hợp âm đầu nằm ở vị trí âm đầu của âm tiết chính (trong từ song tiết) hay là âm đầu của từ đơn tiết thì vào giai đoạn này đã xuất hiện nhiều tổ hợp phụ âm đầu hơn. Và trong tình hình nghiên cứu hiện nay, người ta cho rằng có tới 5 tổ hợp âm đầu của âm tiết trong giai đoạn Việt-Mường cổ. Các tổ hợp này thường là sự kết hợp giữa âm tắc với âm bên hoặc âm rung.  
- Vào thời kì này đã bắt đầu xuất hiện các phụ âm đầu xát do hệ quả của quá trình đơn tiết hoá. Tuy hiện nay trong giới nghiên cứu lịch sử tiếng Việt vẫn còn tranh luận về tính chất cũng như thời gian của quá trình này nhưng mọi người đều xác nhận vào giai đoạn Việt-Mường cổ, tiếng Việt đã xuất hiện quy luật biến đổi ngữ âm gọi là quy luật xát hoá các phụ âm tắc giữa (quy luật 3).  
   
Nhận xét:  
Nếu như ở giai đoạn tiền Việt-Mường các ngôn ngữ hiện nay được xếp vào nhóm Việt-Mường đang là một khối thống nhất thì ở giai đoạn này đã có một sự phân hoá. Sự phân hoá này làm tách biệt thành một bên là những ngôn ngữ tiền Việt-Mường còn lưu giữ lại đến ngày nay và một bên là các ngôn ngữ Việt-Mường cổ để nó tiếp tục phát triển theo một hướng khác.

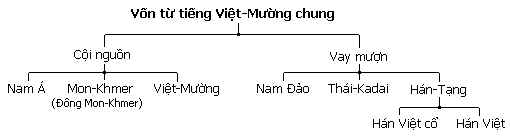
**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

**4. GIAI ĐOẠN VIỆT-MƯỜNG CHUNG**

Giai đoạn Việt Mường chung là một giai đoạn rất quan trọng trong lịch sử phát triển của tiếng Việt. Theo nghiên cứu hiện nay, vào giai đoạn này tiếng Việt và tiếng Mường đang còn là một ngôn ngữ thống nhất. Chỉ về sau giai đoạn này tiếng Việt mới tách ra thành một ngôn ngữ riêng lẻ thực sự.  
4.1. Tính chất và thời gian tương đối  
Giai đoạn Việt-Mường chung là giai đoạn tiếng Việt được người Việt sử dụng ở thời kì độc lập sau khi thoát khỏi sự đô hộ của phong kiến phương Bắc.  
- Về mặt thời gian: giai đoạn này kéo dài từ thế kỉ 9 (10) đến thế kỉ 14.  
Đây là thời kì người Việt bắt đầu xây dựng một quốc gia phong kiến độc lập trên cơ sở lãnh thổ địa lí của nhà nước Hùng Vương trước đây. Trong điều kiện như vậy, người Việt phấn đấu để xây dựng một nhà nước đảm bảo bình đẳng với các quốc gia khác trong khu vực.  
- Bối cảnh ngôn ngữ ở giai đoạn này có thể được miêu tả như sau:  
+ Trong cộng đồng cư dân, người ta sử dụng tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ mẹ đẻ. Tuy nhiên, trong việc quản lí nhà nước, người ta lại dùng chữ Hán và tiếng Hán như một công cụ hành chính.  
+ Ngôn ngữ văn hoá (/văn học/ bác học) không phải là tiếng Việt vì thế tiếng Việt về cơ bản chỉ tồn tại trong đời sống dân gian của người Việt. Và chính điều này đã tác động rất mạnh đến sự phát triển của tiếng Việt.  
- Giai đoạn này là giai đoạn hình thành cách đọc Hán Việt, lớp từ ngữ Hán Việt -- một hiện tượng vay mượn đặc biệt trong quá trình phát triển của tiếng Việt.  
4.2. Những đặc điểm về ngôn ngữ  
4.2.a. Vấn đề thành phần từ vựng trong tiếng Việt-Mường chung  
Các từ gốc Hán đã du nhập vào trong vốn từ của khối Việt-Mường chung một cách ồ ạt và tạo ra một lớp từ mà các nhà ngôn ngữ học gọi là từ Hán Việt.  
Trước đây, từ gốc Hán chỉ là một bộ phận nhỏ nhưng ở giai đoạn này nó đã trở thành một bộ phận quan trọng, cả về số lượng lẫn chất lượng, trong vốn từ tiếng Việt. Có thể mô hình hoá thành phần vốn từ vựng trong tiếng Việt-Mường chung như sau:

+ Như vậy, ở giai đoạn Việt-Mường chung, tiếng Việt đã hình thành một lớp từ Hán Việt. Lớp từ này phân biệt với những từ gốc Hán vay mượn từ thời Việt-Mường cổ trở về trước mà các nhà nghiên cứu thường gọi là Hán Việt cổ (hoặc cổ Hán Việt/ Hán Việt thượng cổ).  
+ Tuy nhiên, sự vay mượn các từ ngữ gốc Hán ở giai đoạn này cũng có sự khác biệt do yếu tố địa lí-xã hội chi phối. Theo đó, ở vùng thành thị và vùng lân cận, việc vay mượn này diễn ra rõ nét, còn những vùng khác, do điều kiện địa lí và xã hội khó khăn, việc vay mượn này mờ nhạt. Từ đó dẫn đến sự phân hoá trong khối Việt-Mường chung. Để sau này, một bộ phận tách thành tiếng Việt và một bộ phận khác chuyển thành tiếng Mường hiện nay.  
4.2.b. Về mặt cấu tạo từ  
Trong quá trình từ tiếng Việt-Mường cổ chuyển sang tiếng Việt-Mường chung, tiếng Việt đã trải qua một quá trình đơn tiết hoá triệt để hơn. Kết quả của hiện tượng này là trong tiếng Việt-Mường chung chỉ còn các đơn vị đơn tiết và các âm tiết mang tổ hợp phụ âm đầu. Dường như các đơn vị song tiết vốn có mặt ở giai đoạn tiền Việt-Mường hay Việt-Mường cổ không còn được lưu giữ trong tiếng Việt-Mường chung nữa.



Tính chất triệt để hơn của hiện tượng đơn tiết trong tiếng Việt-Mường chung có thể nhận thấy khi chúng ta so sánh số lượng tổ hợp phụ âm đầu của tiếng Mường với tổ hợp phụ âm đầu trong tiếng Cuối hiện nay.



Hiện nay, trong giới nghiên cứu lịch sử tiếng Việt vẫn còn chưa thống nhất khi cho rằng tiếng Việt-Mường chung là một ngôn ngữ đơn tiết thực sự.  
4.2.c. Ở bình diện ngữ âm  
Vào giai đoạn Việt-Mường chung, tiếng Việt đã có những biến đổi ngữ âm rất quan trọng. Đó là:  
-1- Vào thời kì này,  về mặt nguyên tắc, tiếng Việt đã hình thành xong hệ thống thanh điệu dựa trên sự đối lập âm vực (cao - thấp) và sự đối lập về tuyến điệu (bằng phẳng - không bằng phẳng; trong không bằng phẳng lại có sự đối lập gãy - không gãy). Như vậy, vào thời điểm này tiếng Việt phải được coi là một ngôn ngữ có hệ thống 6 thanh điệu. Lí do chính của việc hình thành đầy đủ hệ thống thanh điệu này là do sự biến đổi về hình thái của âm đầu[1] âm tiết. Theo đó, khác với giai đoạn tiền Việt-Mường, ở giai đoạn Việt-Mường chung các âm đầu không còn sự đối lập giữa hữu thanh và vô thanh ở loạt âm tắc.  
(X. Sơ đồ của Haudricourt về nguồn gốc các thanh trong tiếng Việt)  
-2- Ở giai đoạn Việt-Mường chung, tiếng Việt có một quy luật chuyển đổi ngữ âm, đó là quy luật vô thanh hoá các phụ âm hữu thanh. Theo đó, những âm tắc hữu thanh (\*b, \*đ, \*-j-, \*g) vốn có mặt từ thời tiền Việt-Mường và Việt-Mường cổ, vào giai đoạn này, bị mất đi tính thanh và trở thành các phụ âm vô thanh:



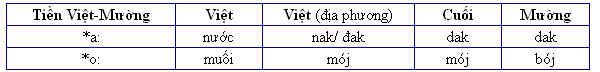
Tình trạng này cho đến hiện nay vẫn lưu giữ lại trong tiếng Mường. Do đó, trong hệ thống ngữ âm tiếng Mường, về nguyên tắc, không có sự đối lập giữa phụ âm vô thanh với phụ âm hữu thanh mà chỉ có loạt duy nhất là các phụ âm vô thanh.  
Ví dụ:



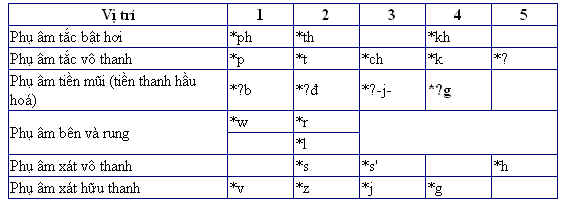
Như vậy, việc xác định các tương ứng từ vựng giữa tiếng Việt và tiếng Mường có thể dựa trên việc tiếng Mường lưu giữ các âm vô thanh còn tiếng Việt lưu giữ các âm xát hoặc là các âm hút vào.  
-3- Nếu như hai đặc điểm trên đây liên quan đến phụ âm đầu của âm tiết thì đặc điểm thứ 3 này lại liên quan đến vấn đề nguyên âm của âm tiết. Ở thời kì này tiếng Việt đã hoàn toàn xoá thế đối lập dài ngắn đều đặn trước kia của hệ thống ngữ âm tiền Việt-Mường và thay thế vào đó bằng thế đối lập ngắn và đôi hoá. Người ta có thể thấy hiện tượng này khi so sánh một ngôn ngữ thuộc nhóm Việt-Mường là tiếng Cuối (ở Nghệ An) với tiếng Việt:



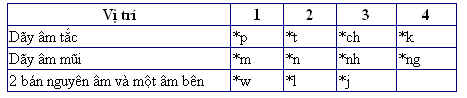
-1-... -2-... -3-: Như vậy, những biến đổi phụ âm, nguyên âm nói trên cho phép chúng ta lập danh sách ngữ âm của tiếng Việt-Mường chung như sau:  
**Danh sách phụ âm đầu trong tiếng Việt-Mường chung**



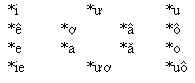
Nhận xét:  
So với danh sách phụ âm đầu ở giai đoạn tiền Việt-Mường , hệ thống phụ âm đầu ở giai đoạn Việt-Mường chung đơn giản hơn nhiều do chỗ không còn sự đối lập giữa dãy âm vô thanh với dãy hữu thanh. Tuy nhiên, nó lại xuất hiện một loạt âm xát mới là hệ quả của hiện tượng đơn tiết hoá.  
**Danh sách âm cuối trong tiếng Việt-Mường chung**



Nhận xét:  
Nếu xét về mặt ngữ âm thì danh sách này tương đối giống ngày nay.  
**Danh sách nguyên âm trong tiếng Việt-Mường chung**



Nhận xét:  
Trên phương diện ngữ âm học, hệ thống nguyên âm không có sự thay đổi cơ bản đáng kể so với ngày nay.  
\*Kết luận  
Những đặc điểm chính của tiếng Việt-Mường chung vừa được nêu trên cho phép chúng ta phân biệt nó với tiếng Việt-Mường cổ. Hiện tượng này chính là sự phân hoá của tiếng tiền Việt-Mường trước đây thành một bên là tiểu nhóm tiền Việt-Mường, một bên là tiểu nhóm Việt-Mường cổ và một bên nữa là tiểu nhóm Việt-Mường chung - là ngôn ngữ tiền thân của tiếng Việt và tiếng Mường hiện nay.  
Từ giai đoạn tiếp theo, tiếng Việt sẽ phát triển theo một khuyh hướng riêng, tách biệt với tiếng Mường và từ đây chúng ta có một lịch sử riêng của tiếng Việt mà về nguyên tắc là không chịu sự tác động chung với các ngôn ngữ khác của nhóm Việt-Mường.  
...:...  
[1] Ở giai đoạn trước, thanh điệu hình thành do sự biến đổi của âm cuối.



**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

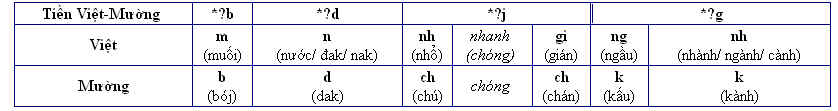
**5. GIAI ĐOẠN VIỆT CỔ**

5.1. Tính chất và thời gian tương đối  
5.1.a. Thời gian  
Giai đoạn này kéo dài khoảng 2 thế kỉ: đầu thế kỉ 14 đến cuối thế kỉ 15. Đây là giai đoạn có nhiều sự kiện lịch sử đáng chú ý.  
+ Xây dựng nhà nước tập quyền mạnh nhất;  
+ Đất nước mở rộng đến khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng hiện nay;  
+ Ngôn ngữ văn học chữ Nôm phát triển mạnh với đỉnh cao là tập Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi. Tuy nhiên tiếng Việt và chữ Nôm vẫn chưa trở thành công cụ hành chính.  
5.1.b. Về mặt ngôn ngữ  
Vào giai đoạn này, có hai đặc điểm cần chú ý:  
- Các nhà nghiên cứu đã khẳng định: Tiếng Việt không còn phát triển cùng tiếng Mường như trước đây. Đồng thời, đã xuất hiện một lớp từ hoàn chỉnh trong vốn từ tiếng Việt, đó là lớp từ Hán Việt.  
- Đồng thời, cũng có một bộ phận của lớp từ Hán Việt biến đổi theo khuynh hướng của những từ thuần Việt.  
5.2. Đặc điểm ngôn ngữ  
5.2.a. Đặc điểm về vốn từ  
- Sự hoàn thiện của lớp từ Hán Việt: Từ thế kỉ 15 trở về trước, nền văn học Hán Việt đã dường như hoàn chỉnh.  
- Trong lớp từ Hán Việt, do tác động  của ngữ âm tiếng Việt, bắt đầu xuất hiện một bộ phận mà người ta gọi là Hán Việt Việt hoá. Đây là một nhóm từ trong vốn từ Hán Việt chịu tác động của ngữ âm thuần Việt và biến đổi theo một hướng khác; tuy ngữ nghĩa vẫn giữ như của từ Hán Việt những ngữ âm đã khác với ngữ âm Hán Việt.  
Như vậy, khi phân tích thành phần vốn từ vựng của tiếng Việt ở giai đoạn này, chúng ta có thể nói đến những thành tố sau trong kho từ vựng của nó:

5.2.b. Đặc điểm về ngữ âm   
- Trong tiếng Việt cổ, tiếng Việt có một đặc điểm biến đổi ngữ âm quan trọng nhất, đó là việc giải thể dòng âm đầu tiền mũi (tiền thanh hầu hoá - vốn có từ giai đoạn Việt-Mường chung).   
Việc giải thể này chính là đặc điểm cơ bản để phân biệt giữa tiếng Việt và tiếng Mường. Theo đó, tiếng Việt xử lí các âm tiền mũi này là những âm mũi chân chính. Do đó, nó nhập vào dãy âm mũi vốn có từ thời tiền Việt-Mường. Ngược lại, dãy âm tiền mũi này được lưu giữ lại trong tiếng Mường dưới dạng những âm hữu thanh tương ứng. Ở các thổ ngữ Mường khác nhau, nếu thấy có ngoại lệ của nguyên tắc này thì đây là những ngoại lệ do biến đổi về sau này.   
Ví dụ:



- Khi chuyển thành tiếng Việt riêng biệt, tách khỏi Việt-Mường chung có một hiện tượng chỉ xảy ra ở tiếng Việt, đó là việc phân đôi dãy âm tắc: p, t, ch và ?. Theo sự phân đôi này, ở tiếng Việt đã xảy ra chuyển đổi: \*p --> b(hút vào) và \*t --> đ(hút vào).  
Các âm ở vị trí giữa lưỡi, gốc lưỡi và họng không biến đổi:



- Sau khi có sự biến đổi phân đôi dãy âm tắc trước đây của tiếng Việt-Mường chung, tiếng Việt đã có một biến đổi tiếp theo là hiện tượng tắc hoá một số âm xát:  
\*s --> t  
Biến đổi này rõ ràng là chỉ xảy ra sau khi âm \*t (trong tiếng Việt-Mường chung) đã biến thành âm đ. Sự thiếu hụt này khiến một số từ có âm \*s đầu lưỡi-răng chuyển thành t hoặc thỉnh thoảng thành th. Tuy nhiên, biến đổi này không xảy ra một cách triệt để trong tất cả các trường hợp mà chỉ xảy ra ở một số từ nhất định. Người ta có thể thấy điều này khi so sánh những tương ứng sau giữa tiếng Việt và tiếng Mường:



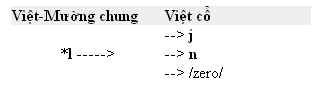
- Ở giai đoạn này, tiếng Việt cổ hoàn tất quá trình xát hoá các phụ âm tắc vốn đã xảy ra từ giai đoạn Việt-Mường cổ, tiếp tục biến đổi ở giai đoạn Việt-Mường chung và cho đến giai đoạn này thì hoàn tất. Nhưng trong một vài trường hợp, người ta vẫn thấy những âm tắc giữa, vốn có trong tiếng Mường, một bộ phận chuyển thành âm âm xát tương ứng trong tiếng Việt, nhưng bộ phận khác thì chuyển thành âm hữu thanh trong tiếng Mường. Đây là một biến đổi phức tạp nhất và hiện nay còn có sự tranh cãi giữa hai ý kiến:   
+ Quá trình đã hoàn tất ở giai đoạn Việt cổ  
+ Đến giai đoạn sau nó mới hoàn tất.  
Các ví dụ so sánh



- Trường hợp xử lí âm cuối \*l của tiếng Việt-Mường chung. Theo sự xử lí này, về cơ bản, ở giai đoạn tiếng Việt cổ, đa số các âm cuối \*l Việt-Mường chung đã chuyển thành bán nguyên âm j hoặc âm cuối n, hoặc bị rụng đi hoàn toàn (khi âm chính của âm tiết là các nguyên âm hàng trước):



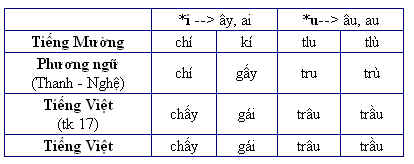
Đây là một biến đổi quan trọng nhất xảy ra ở cuối âm tiết so với biến đổi cuối âm tiết có từ thời tiền Việt-Mường. Ví dụ:



- Biến đổi tiếp theo xảy ra ở phần nguyên âm của âm tiết. Theo đó, ở giai đoạn tiếng Việt cổ, hai nguyên âm khép i và u trong trường hợp ở cuối âm tiết mở đã chuyển thành vần gồm một nguyên âm nguyên âm ngắn hàng giữa có độ mở lớn hơn kèm theo một bán nguyên âm cuối tương ứng:



\* Nhận xét chung  
Những biến đổi ngữ âm được nêu ở trên chính là những đặc điểm riêng của tiếng Việt cho phép chúng ta nhận biết được tiếng Việt khác với tiếng Mường như thế nào và điều đó cũng chính là những lí do khiến cho tiếng Việt-Mường chung trước đây bị phân hoá theo 2 hướng khác nhau. Đồng thời, những biến đổi ngữ âm nói trên là rất quan trọng để chúng ta hiểu sự phát triển của phương ngữ tiếng Việt.  
Ở giai đoạn này có thể khẳng định một điều là người Việt lần đầu tiên có chữ Viết riêng của mình, đó là chữ Nôm. Sự xuất hiện của chữ Nôm là một hiện tượng văn hoá quan trọng trong lịch sử và bắt đầu từ đây, văn học viết bằng tiếng Việt có điều kiện phát triển và nhờ đó những thế kỉ về sau truyện Nôm khuyết danh của người Việt trở thành một trào lưu văn học sánh ngang cùng văn học viết bằng chữ Hán  
Như vậy, sau khi tiếng Việt và tiếng Mường tách khỏi tiếng Việt-Mường chung, bản thân tiếng Việt đã có những biến đổi quan trọng. Những biến đổi quan trọng ấy cho phép chúng ta nhận biết về cơ bản một hệ thống ngữ âm không xa lạ với người Việt hiện nay nhờ những khác biệt mang tính phương ngữ vẫn còn được lưu giữ lại.



**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

**6. GIAI ĐOẠN TIẾNG VIỆT TRUNG ĐẠI [1]**

6.1. Tính chất và thời gian tương đối   
- Về mặt thời gian  
Giai đoạn này ước chừng kéo dài từ cuối thế kỉ 15 (đầu thế kỉ 16) cho đến đầu thế kỉ 19. Đây là thời kì, về cơ bản, tiếng Việt đã hình thành nên các vùng phương ngữ như đã có như hiện nay theo hướng tiếng Việt từng bước tiến dần về phương Nam theo con đường phát triển của dân tộc.  
- Về mặt lịch sử  
Giai đoạn này là giai đoạn bắt đầu có sự tiếp xúc giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ châu Âu, mà trước hết là tiếng Tây Ban Nha, sau đó là tiếng Pháp và đến các ngôn ngữ châu Âu khác.  
Năm 1651, ở Roma đã xuất bản cuốn "Từ điển Annam - Bồ Đào Nha - Latinh" (Annam - Lustin - Latin) do cha cố A. de Rhodes soạn. Với sự kiện này, tiếng Việt lần đầu tiên được ghi chép bằng chữ Latin.   
- Đồng thời, giai đoạn này cũng là một giai đoạn quan trọng của lịch sử phát triển tiếng Việt với 2 điểm đáng chú ý sau:  
+ Thứ nhất, tiếng Việt lại bắt đầu có một đợt tiếp xúc mới và đợt tiếp xúc này góp phần làm phong phú tiếng Việt ở cả khía cạnh từ vựng và đặc biệt là khía cạnh ngữ pháp. Và, tiếng Việt đã trở thành một ngôn ngữ mà chữ viết của nó theo hệ Latin chứ không phải chữ khối vuông hay chữ Sanskrit.  
+ Thứ hai, Tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ toàn dân đã vươn lên giữ vai trò là một ngôn ngữ văn học bác học, và thậm chí đã có thời kì nó giữ vai trò là ngôn ngữ hành chính của nhà nước. Đây cũng là thời kì mà văn học chữ Nôm phát triển mạnh nhất, trong một chừng mực nào đó nó còn phát triển hơn cả văn học chữ Hán.  
6.2. Những đặc điểm chính về ngôn ngữ  
- Vào giai đoạn này, tiếng Việt có xu hướng đơn tiết hoá triệt để nhất. Điều này có nghĩa là những từ mà từ thời tiền Việt-Mường có tổ hợp phụ âm đầu hay có cấu tạo tiền âm tiết, cho đến giai đoạn này, đều trở thành những âm tiết chỉ có một phụ âm đầu đơn. Và dấu tích cuối cùng của hiện tượng này được ghi trong từ điển của A. de Rhodes.  
Vd: "trâu" được ghi là tlâu hoặc trâu   
Bên cạnh việc xử lí bl, tl thành một âm quặt lưỡi (như ở ví dụ trên), đôi khi từ điển của A. de Rhodes cũng ghi tương ứng với tổ hợp phụ âm này là một âm s hoặc gi.  
 Ví dụ: "gà trống" ----- gà sống   
"trăng sáng" ---- giăng sáng  
Như vậy, có thể nói, vào giai đoạn này tiếng Việt đã phát triển tương đối hoàn chỉnh.  
- Do điều kiện phát triển của tiếng Việt, ở thời kì này tiếng Việt là một ngôn ngữ đã có chữ viết Latin và đây là kiểu chữ thứ 2 của riêng người Việt trong lịch sử phát triển của mình.  
.....:.  
[1] Hay còn gọi là Giai đoạn tiếng Việt trung cổ

**nhiều tác giả**

Các giai đoạn phát triển của tiếng Việt

**7. GIAI ĐOẠN TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI**

Từ giữa thế kỉ 19, tiếng Việt đã phát triển sang giai đoạn tiếng Việt hiện đại và, có thể nói, trong thời gian gần 2 thế kỉ, tiếng Việt hiện đại đã hoàn thiện cấu trúc của mình theo những khía cạnh khác nhau để thoả mãn cho cộng đồng người Việt trong việc sử dụng làm công cụ giao tiếp, tư duy.  
7.1. Hai đặc điểm nổi bật về xã hội ở giai đoạn phát triển hiện đại của tiếng Việt  
- Thứ nhất: Vào thời kì đầu của giai đoạn này, tiếng Việt có sự tiếp xúc sâu đậm với ngôn ngữ văn học và văn hoá Pháp.Sự tiếp xúc sâu đậm này là hậu quả của một âm mưu cai trị nhằm đưa tiếng Pháp và văn hoá Pháp thay thế tiếng Hán và văn hoá Hán vốn đã có ảnh hưởng lớn trong xã hội Việt Nam.  
Trong điều kiện như vậy, tiếng Việt lại một lần nữa thể hiện sức sống mãnh liệt của nó. Theo đó, tiếng Việt không những không chịu ảnh hưởng tiêu cực của tiếng Pháp mà, ngược lại, đã chủ động lựa chọn những cái có lợi về mặt cấu trúc ngữ pháp và sau đó là về mặt từ vựng để hoàn thiện mình. Và chính nhờ sức sống đó mà vào những năm đầu thế kỉ 20, tiếng Việt đã trở thành một ngôn ngữ hoàn chỉnh.  
- Thứ hai: Đặc điểm này gắn liền với sự thành công của Cách mạng tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam độc lập. Đây là lần đầu tiên tiếng Việt trở thành một ngôn ngữ mang tính chính thức của quốc gia, được sử dụng trong mọi hoạt động chính trị, xã hội. Với đặc điểm xã hội này, tiếng Việt đã có một sự vươn lên rất mãnh liệt để thoả mãn đòi hỏi mà xã hội đặt ra cho nó. Nhờ đó mà hệ thống ngữ âm tiếng Việt được chuẩn hoá hơn. Và kho từ vựng của nó cũng trở nên phong phú hơn nhờ được bổ sung một khối lượng đồ sộ từ ngữ mới và trong đó đặc biệt có sự bổ sung của các hệ thống thuật ngữ khoa học-kĩ thuật. Hơn thế nữa, các hệ thống phong cách chức năng của tiếng Việt đã được hình thành và đa dạng hoá.  
Sự khác biệt giữa các phương ngữ và đặc biệt là giữa các thổ ngữ có xu hướng giảm dần và tiếng Việt đang hướng tới một sự thống nhất cao hơn.  
7.2. Một số đặc điểm nội tại của tiếng Việt ở giai đoạn phát triển hiện đại  
Từ giai đoạn trung đại chuyển sang giai đoạn hiện đại, tiếng Việt phát triển theo xu hướng từng bước hoàn thiện mình để cung cấp một phương tiếp giao tiếp hoàn chỉnh cho toàn xã hội. Đặc điểm này được thể hiện ở những dấu hiệu sau:  
- Từ những năm cuối thế kỉ 19 đến nửa đầu thế kỉ 20, do tiếp xúc với các ngôn ngữ châu Âu, ngữ pháp tiếng Việt trước đây đã có sự biến đổi.  
- Sự phát triển ngoạn mục của tiếng Việt ở giai đoạn này là sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, do được nhà nước công nhận như là một ngôn ngữ chính thức nên tiếng Việt đã trở thành một ngôn ngữ không chỉ là ngôn ngữ văn hoá, ngôn ngữ toàn dân mà còn là ngôn ngữ chính thức của giáo dục và khoa học và sau đó là ngôn ngữ của chính trị.  
- Đặc biệt, vào thời điểm hiện nay, tiếng Việt đã thoả mãn sự phát triển của xã hội bằng việc cung cấp một cách đầy đủ các hệ thống thuật ngữ khoa học. Và, với dấu hiệu này, chúng ta có quyền nói rằng vào giai đoạn phát triển hiện đại, tiếng Việt đã hoàn thiện sự phát triển của mình.  
......:

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn:   
Được bạn: mickey đưa lên  
vào ngày: 22 tháng 10 năm 2004